

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HÒA HIỆP NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NIÊM YẾT
HỘ LÀM NÔNG -LÂM - NGƯ VÀ DIÊM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số/QĐ -UBND ngày/9/2024 của UBND phường Hòa Hiệp Nam)

Đơn vị tính: 1.000.đ

TT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ (khu phố)	Nhân khẩu	Tổng thu nhập của hộ gia đình (trong 12 tháng)	Thu nhập bình quân người/tháng	Hộ làm nông -lâm -ngư nghiệp
1	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	16/9/1982	Thọ Lâm	4	137.000	2.854	Hộ làm nông nghiệp
2	Võ Thị Châu	Nữ	10/6/1972	Thọ Lâm	4	99.000	2.750	Hộ làm nông nghiệp
3	Nguyễn Minh Chánh	Nam	14/02/1971	Đa Ngư	4	102.000	2.125	Hộ làm nông nghiệp
4	Bùi Sơn	Nam	01/01/1973	Đa Ngư	4	98.400	2.050	Hộ làm nông nghiệp
5	Nguyễn Công Quang	Nam	1/1/1975	Đa Ngư	4	98.400	2.050	Hộ làm nông nghiệp
6	Võ Quy	Nam	20/9/1980	Đa Ngư	5	163.000	2.716	Hộ làm nông nghiệp
7	Huỳnh Văn Luyện	Nam	4/3/1975	Đa Ngư	4	103.400	2.154	Hộ làm nông nghiệp
8	Văn Thị Tại	Nữ	15/11/1978	Đa Ngư	2	65.000	2.708	Hộ làm nông nghiệp
9	Lê Văn Tảo	Nam	16/4/1978	Đa Ngư	4	118.800	2.475	Hộ làm nông nghiệp
10	Huỳnh Văn Khánh	Nam	3/2/1977	Đa Ngư	4	108.000	2.250	Hộ làm ngư nghiệp
11	Trần Văn Thanh	Nam	5/10/1981	Đa Ngư	4	113.000	2.354	Hộ làm nông nghiệp
12	Nguyễn Văn Đăng	Nam	10/10/1982	Đa Ngư	5	122.400	2.040	Hộ làm nông nghiệp
13	Nguyễn Văn Chi	Nam	3/9/1970	Đa Ngư	4	98.400	2.050	Hộ làm nông nghiệp
14	Nguyễn Văn Đặng	Nam	10/12/1982	Đa Ngư	4	98.000	2.042	Hộ làm nông nghiệp

15	Đặng Trung Khoa	Nam	29/7/1980	Phú Lạc	4	108.000	2.250	Hộ làm ngư nghiệp
16	Nguyễn Thị Đào	Nữ	1/2/1971	Phú Lạc	4	100.000	2.083	Hộ làm ngư nghiệp
17	Nguyễn Ngọc Tân	Nam	27/2/1983	Phú Lạc	5	124.000	2.066	Hộ làm ngư nghiệp
18	Nguyễn Ngọc Xuyên	Nam	8/12/1983	Phú Lạc	3	108.000	2.250	Hộ làm ngư nghiệp
19	Phạm Với	Nam	7/5/1972	Phú Lạc	5	146.000	2.433	Hộ làm ngư nghiệp
20	Lê Trung Anh Tuấn	Nam	20/5/1979	Phú Lạc	4	98.900	2.060	Hộ làm ngư nghiệp
21	Nguyễn Quyên	Nam	9/2/1963	Phú Lạc	4	117.000	2.925	Hộ làm ngư nghiệp
22	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	2/3/1983	Phú Lạc	5	150.000	2.500	Hộ làm ngư nghiệp
23	Đặng Trung Cứu	Nam	22/10/1972	Phú Lạc	4	134.000	2.791	Hộ làm ngư nghiệp
24	Nguyễn Văn Mười	Nam	1973	Phú Lạc	3	84.000	2.330	Hộ làm ngư nghiệp
25	Nguyễn Đình Lập	Nam	16/7/1975	Phú Lạc	4	102.000	2.125	Hộ làm ngư nghiệp
26	Nguyễn Thời Sáng	Nam	11/1/1980	Phú Lạc	4	98.400	2.050	Hộ làm ngư nghiệp
27	Phạm Ngọc Thoại	Nam	20/7/1981	Phú Lạc	4	108.000	2.250	Hộ làm ngư nghiệp
28	Đình Quang Quốc	Nam	2/2/1981	Phú Lạc	4	109.000	2.270	Hộ làm ngư nghiệp
29	Nguyễn Thị Dư	Nữ	3/4/1971	Phú Lạc	4	100.300	2.089	Hộ làm ngư nghiệp
30	Đặng Văn Tuấn	Nam	1/9/1976	Phú Lạc	4	105.400	2.195	Hộ làm nông nghiệp
31	Trần Đình Phúc	Nam	27/3/1984	Phú Lạc	5	151.900	2.531	Hộ làm ngư nghiệp
32	Lê Thanh Sang	Nam	1/1/1978	Phú Lạc	4	116.600	2.429	Hộ làm ngư nghiệp
33	Võ Hoài Thanh	Nam	16/9/1980	Phú Lạc	4	103.840	2.163	Hộ làm nông nghiệp
34	Nguyễn Văn Bé	Nam	2/2/1973	Phú Lạc	3	106.500	2.218	Hộ làm ngư nghiệp
35	Mai Thăng	Nam	6/6/1971	Phú Lạc	4	107.500	2.239	Hộ làm ngư nghiệp
TỔNG CỘNG: 35 hộ; 137 khẩu								

Người lập danh sách

Hòa Hiệp Nam, ngày ... tháng 9 năm 2024

CHỦ TỊCH

Trần Thị Bé Trinh

Nguyễn Văn Trí